TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2020
V/v "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ

Ông Hồ Viết Tùng

- Thư ký pH tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia pH toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLST- HNGĐ ngày 23/10/2020 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình",

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2020/QĐXX-ST ngày 01/12/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Nh. Sinh năm 1994.

Trú tại: xóm 9 (nay là xóm 4), xã HT, huyện HN, tỉnh Nghệ An.

Chị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T. Sinh năm 1991.

Địa chỉ HKTT trước khi xuất C: xóm 9 (nay là xóm 4), xã HT, huyện HN, tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại Đài Loan.

Anh Nguyễn Văn T, vắng mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966 và bà Trương Thị H (Bố mẹ anh T).

Ông Nguyễn Văn C, có mặt. Bà Trương Thị H, vắng mặt.

Trú tại: xóm 9 (nay là xóm 4), xã HT, huyện HN, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2020, bản tự khai chị Nguyễn Thị Nh trình bày:

Chị Nh và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TK, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn, hai vợ chồng đều lao động ở Đài Loan, do tìm hiểu nhau chưa kỹ, dẫn đến sau kết hôn hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bố mẹ hai bên đã hòa giải nhưng mâu thuẫn không hàn gắn được. Năm 2016, anh T tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị Nh cũng không ở tại gia đình ông C bà H nữa. Hai vợ chồng từ lâu đã không liên lạc gì với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, đời sống vợ chồng xa cách, có mâu thuẫn, chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chị Nh và anh T có con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 02/6/2015, hiện cháu T đang sống với ông bà nội. Nay xin li hôn chị Nh muốn được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Công văn đề nghị gia đình anh T cung cấp thông tin, địa chỉ của anh T ở nước ngoài, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; tiến hành xác minh đối với người thân của anh T và xác minh tại địa phương. Kết quả xác minh tại địa phương, anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu tại xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, đã đi nước ngoài, hiện không sinh sống tại địa phương. Bố mẹ của anh Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị H cho biết: Anh T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan đã hai năm đến nay chưa về, anh T có gọi điện về cho ông bà thông báo tình hình công việc, cuộc sống tại Đài Loan, hỏi thăm cháu T và gửi tiền về cho ông bà nuôi cháu T, nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Ông bà đã nhận được Thông báo thụ lý và văn bản của Tòa án yêu cầu cung cấp thông tin, địa chỉ của anh T hiện nay, nhưng ông bà không biết được để cung cấp cho Tòa án. Về việc ly hôn, khi anh T gọi điện về, ông bà đã thông báo cho anh T biết về yêu cầu xin ly hôn của chị Nh, anh T đồng ý ly hôn và đề nghị giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng, do anh T đang ở nước ngoài nên đề nghị giao cho ông bà nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng. Ông bà không đồng ý việc giao cháu T cho chị Nh nuôi dưỡng vì cháu T đã sống với ông bà từ nhỏ, khi chị Nh bỏ đi từ năm 2016, vợ chồng ông bà đã trực tiếp

nuôi dưỡng cháu T. Ông bà không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng hay thanh toán tiền nuôi con trong thời gian vừa qua.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh không có ý kiến về giải quyết vụ án và không có mặt tại pH tòa. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn T; giao cháu Nguyễn Anh T là con chung của vợ chồng cho chị Nguyễn Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T; các bên không yêu cầu giải quyết tài sản nên chưa có cơ sở xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại pH toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh và bị đơn anh Nguyễn Văn T đều có địa chỉ cư trú tại xóm 9 (nay là xóm 4) xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; anh T hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản cho ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị H (là bố mẹ đẻ của anh T), đề nghị ông C, bà H thông báo cho anh T biết về yêu cầu khởi kiện của chị Nh. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập pH tòa, tại nơi cư trú của anh T trước khi đi nước ngoài và yêu cầu ông C, bà H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan nhưng ông C, bà H không cung cấp được. Kết quả xác minh tại địa phương, anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu tại xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã đi nước ngoài, hiện không sinh sống tại địa phương. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ hai lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không thể

hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Trương Thị H (mẹ anh T) đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Nh, bà Trương Thị H.

[3] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện; không ai bị ép buộc hay lừa dối; không thuộc trường hợp cấm kết hôn và hai người đã đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã TK, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian tại nhà bố mẹ anh T tại xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2016, anh T đi lao động tại Đài Loan, chị Nh cũng rời gia đình anh T đi ở nơi khác, tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, vợ chồng không liên lạc gì với nhau, không còn quan tâm đến nhau cùng xây dựng hành phúc gia đình. Chị Nh làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T cũng thông qua bố mẹ có ý kiến đồng ý với ly hôn với chị Nh. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Nh và anh T không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Nh. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Văn T có con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 02/6/2015, hiện nay, cháu T đang ở với ông bà nội là ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị H. Ý kiến của anh T, ông C, bà H được trực tiếp nuôi cháu T là chính đáng. Nhưng căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì việc nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của bố mẹ. Do anh T hiện đang ở nước ngoài nên cần giao cháu T cho chị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nh, ông C và bà H có thể thỏa thuận với nhau về việc cháu T ở với ai để bảo đảm mọi mặt, sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nh chưa yêu cầu, anh T cũng chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về việc nuôi cháu T, ông C và bà H là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu từ nhỏ đến nay nhưng chưa yêu cầu chị Nh, anh T

phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc hai cháu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Hiện tại chị Nguyễn Thị Nh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn T cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 02/6/2015 cho chị Nguyễn Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Nh không yêu cầu và anh Nguyễn Văn T cũng chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000150 ngày 21/10/2020.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Chị Nguyễn Thị Nh, bà Trương Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã TK, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA. TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA

(Đã ký)

Trần Quốc Cường